

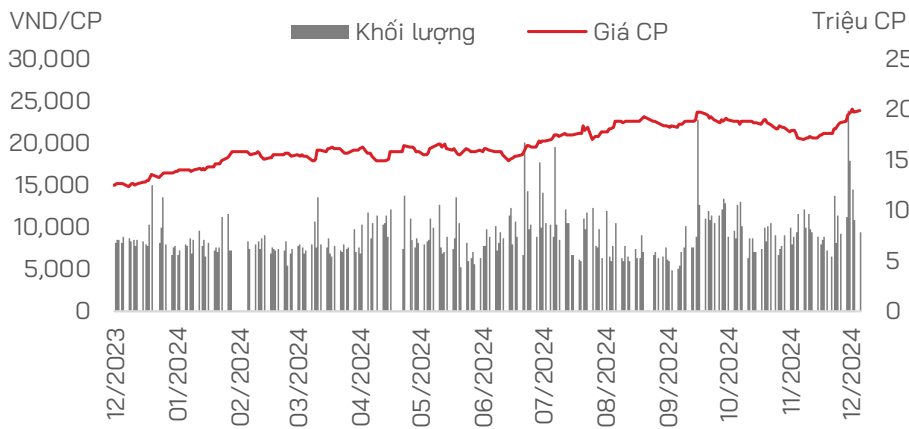
HDB

Ngành: Ngân hàng
Giá mục tiêu: 29,500
So giá gần nhất: +24.2%

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

- Một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam**, thuộc nhóm các công ty có vốn hóa lớn nhất sàn HOSE.
- Tăng trưởng mạnh mẽ với hiệu quả dẫn đầu ngành:** Tăng trưởng tín dụng 9 tháng năm 2024 đạt 16.6%, Lợi nhuận trước thuế đạt 12,700 tỷ đồng, tăng 46.6% YoY. Nổi bật với ROE đạt 26.7% cao nhất ngành.
- Chất lượng tài sản tốt với hệ số an toàn vốn cao:** Tỷ lệ nợ xấu ở mức 1.9% và tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Basel II đạt 14.8%, vượt xa yêu cầu tối thiểu là 8%.
- Định giá hấp dẫn:** HDB được trả P/B cao hơn trung bình ngành, phản ánh tiềm năng vượt trội. P/B forward ở mức 1.15x, thấp hơn lịch sử 1.71x.

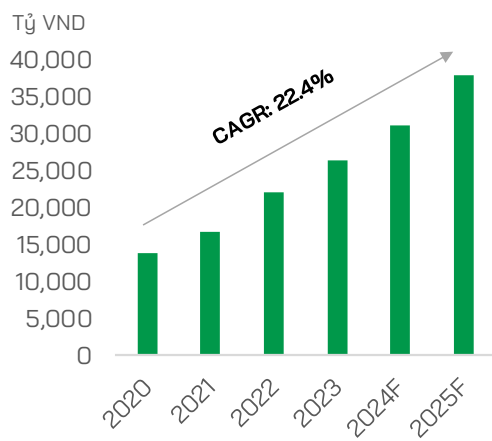
Biến động giá cổ phiếu



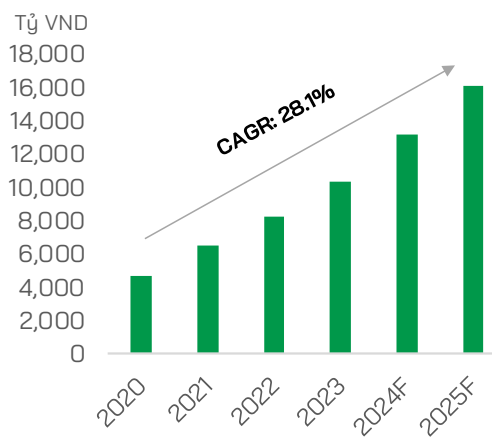
Thông tin cổ phiếu

Giá đóng cửa	23,750	16/12/24
Giá cao nhất 52 tuần	23,900	VND/CP
Giá thấp nhất 52 tuần	14,727	VND/CP
Vốn hóa	82,833	Tỷ đồng
Khối lượng bq 3 tháng	8.4	Triệu CP
Giá trị bq 3 tháng	220.3	Tỷ đồng
Tỷ lệ free-float	75.0	%
Sở hữu nước ngoài	16.7	%

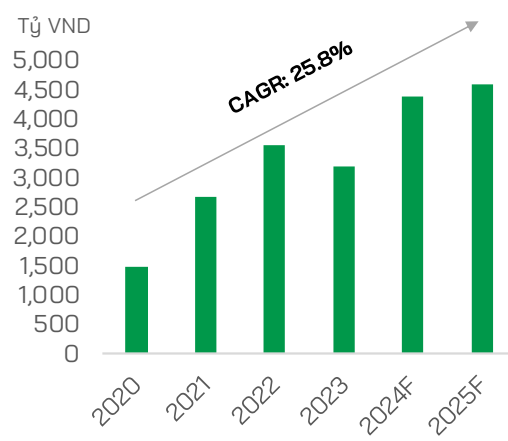
Tổng thu nhập hoạt động



Lợi nhuận sau thuế



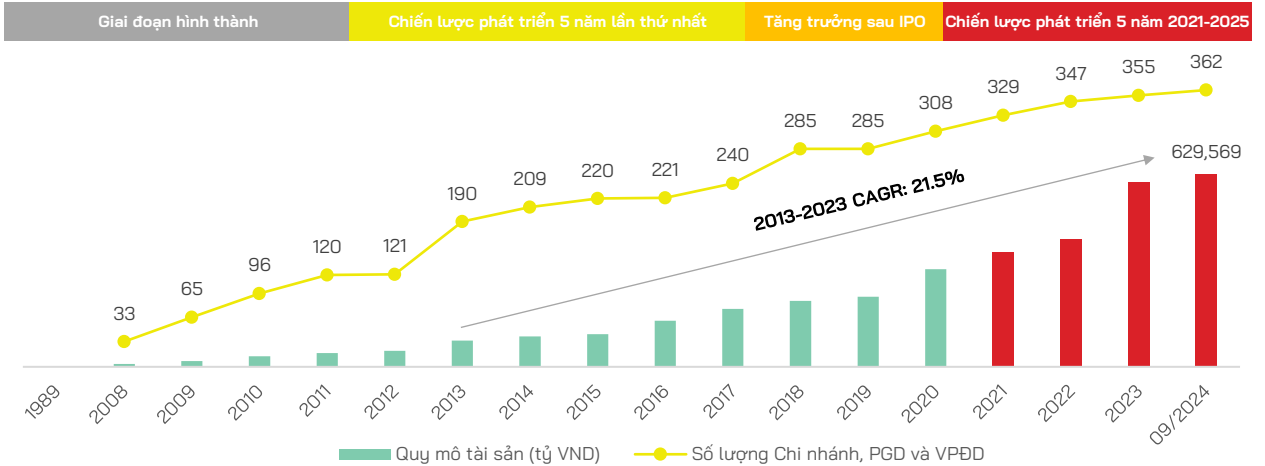
Thu nhập tăng dư



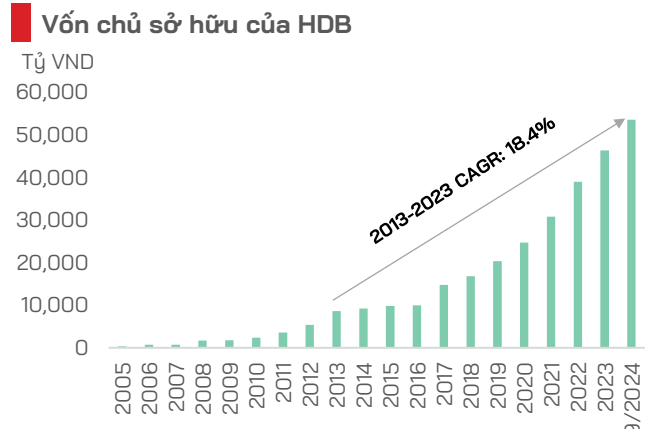
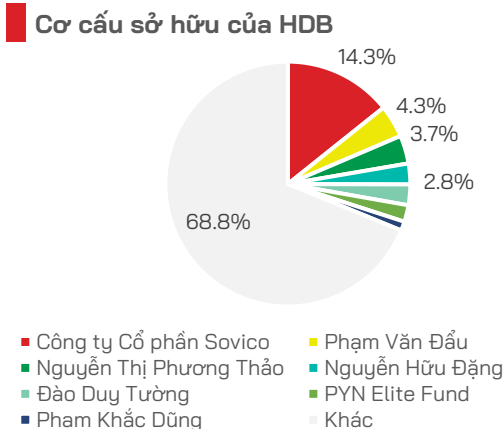
Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2020	2021	2022	2023	2024F	2025F	Q1/2024	Q2/2024	Q3/2024	9M/2023	9M/2024
Thu nhập lãi thuần	Tỷ đồng	11,898	13,891	18,012	22,184	31,194	37,910	7,160	7,720	7,773	14,711	22,654
Thu nhập ngoài lãi	Tỷ đồng	1,882	2,867	3,956	4,230	2,989	4,134	592	573	762	3,445	1,926
Tổng thu nhập hoạt động	Tỷ đồng	13,779	16,758	21,967	26,414	34,183	42,044	7,752	8,293	8,535	18,156	24,580
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	6,173	6,383	8,631	9,129	11,545	14,287	2,455	3,030	2,951	6,499	8,435
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,647	6,453	8,209	10,336	13,113	16,059	3,213	3,252	3,546	6,888	10,011
NIM	%	4.7%	4.4%	5.2%	5.1%	5.5%	5.6%	1.3%	1.4%	1.4%	5.0%	5.8%
NPL	%	1.3%	1.7%	1.7%	1.8%	1.9%	1.8%	2.3%	2.1%	1.9%	2.3%	1.9%
ROE	%	20.6%	23.3%	23.5%	24.2%	24.1%	23.5%	25.2%	25.9%	26.9%	22.4%	26.7%
ROA	%	1.7%	1.9%	2.1%	2.0%	2.0%	2.1%	2.1%	2.2%	2.2%	2.0%	2.2%
BV	VND/CP	14,294	14,464	14,604	15,294	17,269	20,714	16,366	17,392	17,732	14,243	17,732
P/E	x	11.2	5.5	7.1	6.9	7.7	6.3	6.6	6.4	6.4	7.5	6.4
P/B	x	2.07	1.15	1.50	1.55	1.38	1.15	1.54	1.53	1.61	1.53	1.61

1. Một trong những ngân hàng hàng đầu và thuộc nhóm công ty vốn hóa lớn nhất HOSE

- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank), tiền thân là Ngân hàng Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh, được thành lập vào năm 1989 và hiện nằm trong nhóm các ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam. HDBank đã niêm yết và chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) vào đầu năm 2018 với mã chứng khoán HDB. HDBank hiện nằm trong nhóm các công ty có giá trị vốn hóa lớn trên sàn HOSE và thuộc danh mục VN30, bao gồm 30 cổ phiếu có tính thanh khoản và giá trị cao nhất trên thị trường. HDBank sở hữu mạng lưới gồm 362 chi nhánh và phòng giao dịch (PGD), cùng với 25,100 điểm giao dịch tài chính và phục vụ trên 17 triệu khách hàng. HDBank được Moody's xếp hạng tín nhiệm tiền gửi dài hạn ở mức B1.



- HDBank đã ghi nhận nhiều dấu ấn trong hoạt động M&A, bao gồm việc mua lại Societe Generale Viet Finance - đơn vị trực thuộc tập đoàn Societe Generale (Cộng hòa Pháp) và Ngân hàng TMCP Đại Á. Bên cạnh đó, HDBank còn có mối quan hệ liên kết với Tập đoàn Sovico, một trong những tập đoàn tư nhân lớn nhất tại Việt Nam, nhằm xây dựng hệ sinh thái đa dạng, qua đó tối ưu hóa giá trị mang lại cho khách hàng.

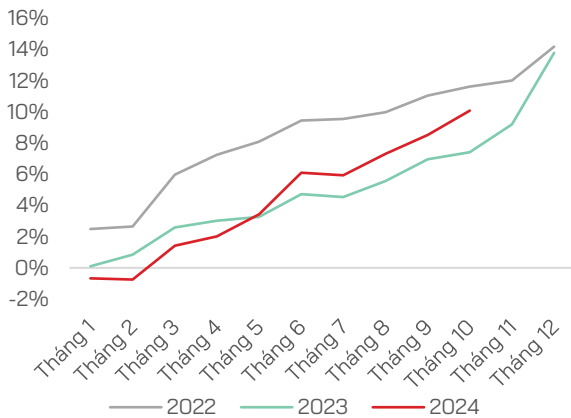


Nguồn: HDB, HDS Research

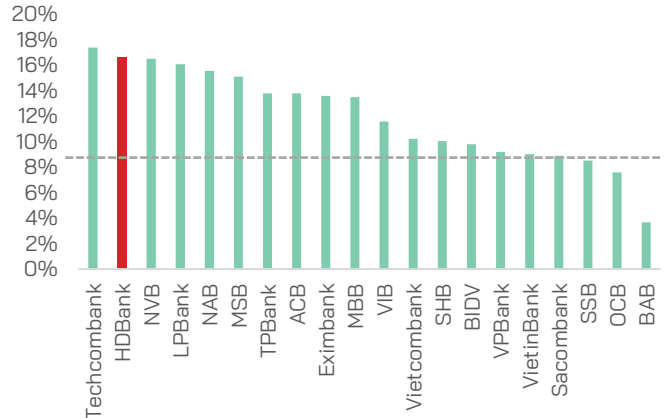
2. Tăng trưởng mạnh mẽ với hiệu quả dẫn đầu ngành

Đứng thứ 2 toàn ngành về tăng trưởng tín dụng. Tăng trưởng tín dụng 9 tháng đầu năm 2024 của HDB tăng tích cực đạt 16.6%, gấp đôi so với mức 8.53% của toàn ngành. Trong đó, 60.7% dư nợ cho vay là khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ (CMB/SME) - phân khúc có nhu cầu tín dụng cao và mang lại cơ hội tối ưu hóa danh mục cho vay. Bên cạnh đó, HDB tích cực khai thác cơ sở khách hàng sẵn có và ứng dụng các sáng kiến chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng. Về dài hạn, ngân hàng tập trung phát triển mảng cho vay bán lẻ tại các thành phố cấp 2 và khu vực nông thôn, nơi nhu cầu tín dụng vẫn còn nhiều và mức độ cạnh tranh thấp hơn. Chiến lược này hứa hẹn hỗ trợ tăng trưởng bền vững và tiếp tục mở rộng thị phần tín dụng trong những năm tới.

Tăng trưởng tín dụng ngành



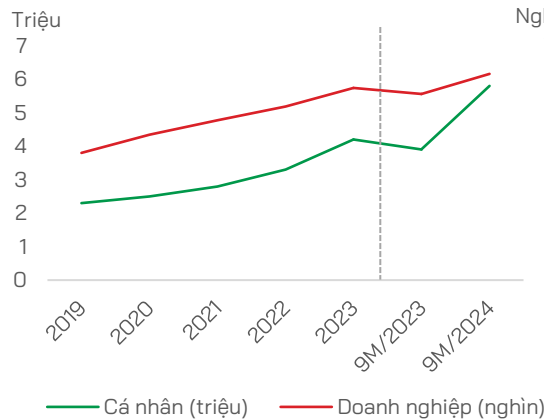
Tăng trưởng tín dụng 9 tháng 2024



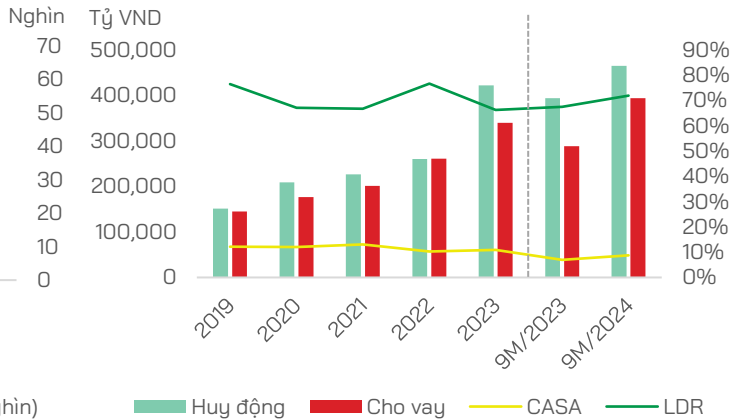
Nguồn: FiinX, HDS tổng hợp

HDB duy trì tăng trưởng huy động vốn ổn định và CASA trên đà cải thiện. Vốn huy động cuối quý 3/2024 đạt 559 nghìn tỷ đồng (tăng 24.8% so với cùng kỳ), trong đó tiền gửi khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng cao hơn 78%. Đồng thời, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) có sự cải thiện tăng lên 8.8% so với mức 7.0% của cùng kỳ năm 2023, chúng tôi kỳ vọng CASA sẽ tiếp tục cải thiện khi HDB thực hiện mục tiêu tiếp tục tăng CASA lên 13-15% thông qua các gói thanh toán và vay tại trường học, bệnh viện, các điểm bán hàng của Petrolimex và Vinamilk. Tỷ lệ Cho vay/Tiền gửi (LDR) của HDB ở mức an toàn 71.9%, thấp hơn giới hạn 85% của NHNN, tạo nền tảng cho hoạt động tín dụng trong tương lai.

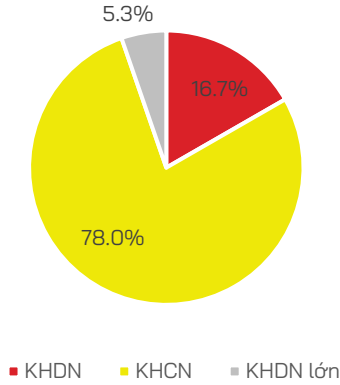
Số lượng khách hàng



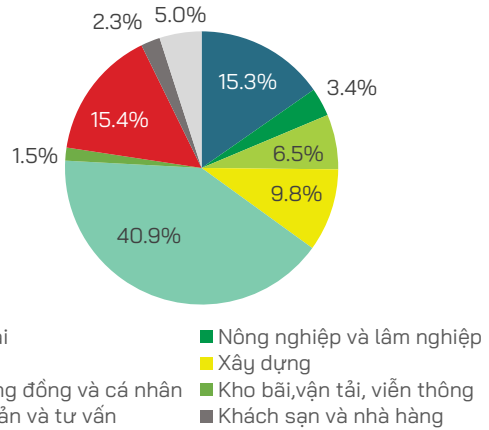
Huy động và Cho vay của HDB



Cơ cấu danh mục tiền gửi của HDB



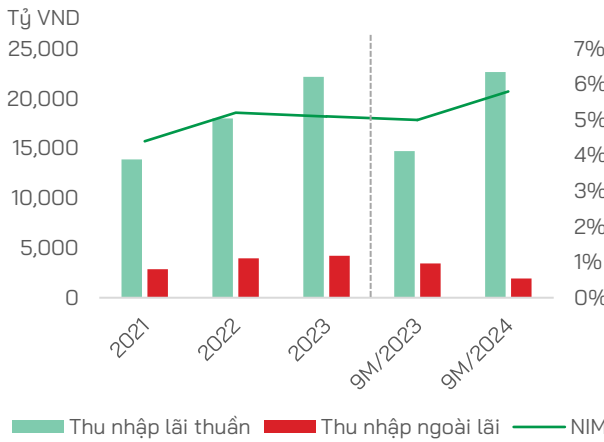
Cơ cấu cho vay theo ngành



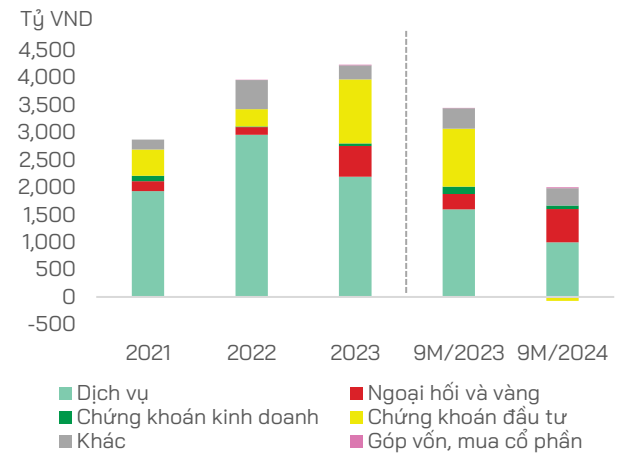
Nguồn: FiinX, HDS tổng hợp

Biên lãi thuần (NIM) cao thứ 2 trong ngành, thu nhập hoạt động tăng mạnh nhờ thu nhập lãi vượt trội. Tổng thu nhập hoạt động của HDB trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 24,580 tỷ đồng, tăng 35.4% so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu nhờ vào sự tăng trưởng mạnh của Thu nhập lãi thuần đạt 22,654 tỷ đồng, tăng 54.0% YoY. Đặc biệt, NIM đạt 5.8%, tăng so với mức 5.0% cùng kỳ năm 2023, đứng thứ 2 trong ngành. Mặc dù thu nhập ngoài lãi giảm ảnh hưởng chung của ngành do các quy định mới về bancassurance và thiếu các khoản thu nhập bất thường từ việc bán cổ phiếu VJC như năm 2023, nhưng sự tăng mạnh mẽ của thu nhập lãi đã giúp tổng thu nhập hoạt động tiếp tục tăng trưởng tích cực.

Thu nhập lãi và thu nhập ngoài lãi



Thu nhập ngoài lãi



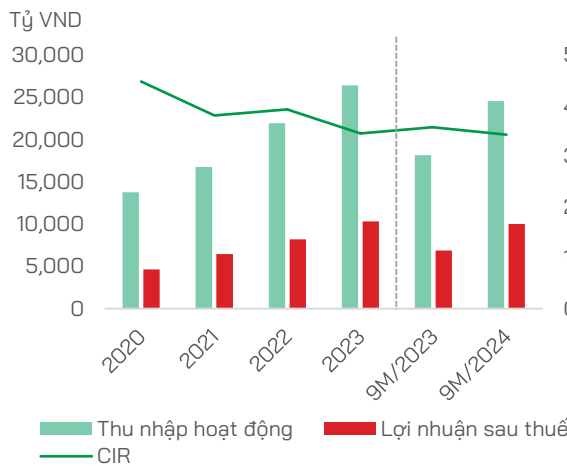
NIM 9 tháng năm 2024 theo ngân hàng



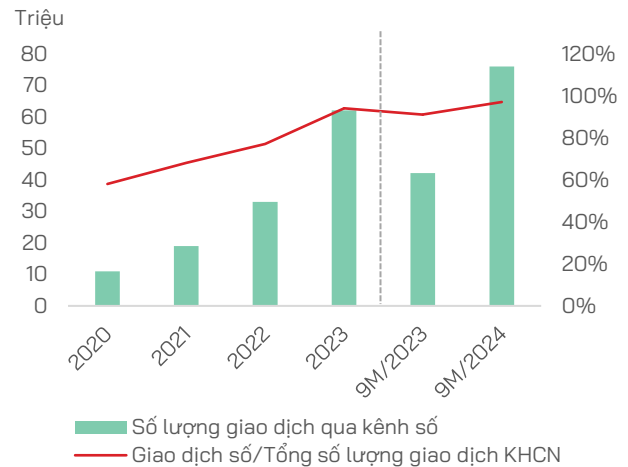
Nguồn: FiinX, HDS tổng hợp

HDB ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng nhờ gia tăng hiệu quả hoạt động và tối ưu hóa chi phí. Lợi nhuận sau thuế lũy kế 9 tháng năm 2024 đạt 10,011 tỷ đồng, tăng 45.3% YoY, hoàn thành 79.4% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Kết quả tích cực trên nhờ Tổng thu nhập hoạt động tăng mạnh 35.4% YoY, trong khi chi phí hoạt động chỉ tăng 29.8% YoY, giúp chỉ số Chi phí/Thu nhập (CIR) cải thiện đáng kể, giảm từ 35.8% xuống còn 34.3%. Xu hướng giảm của CIR trong những năm qua là kết quả từ chiến lược đẩy mạnh kinh doanh số, với khoảng 95% giao dịch khách hàng cá nhân thực hiện qua các nền tảng số, số lượng khách hàng mới được thu hút qua kênh số cao gấp 2.5 lần cùng kỳ năm trước, đóng góp tới 77% số lượng khách hàng mới. Việc số hóa toàn diện từ hành trình khách hàng, quy trình vận hành đến ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn và AI đã giúp HDB nâng cao năng suất và kiểm soát chi phí hiệu quả.

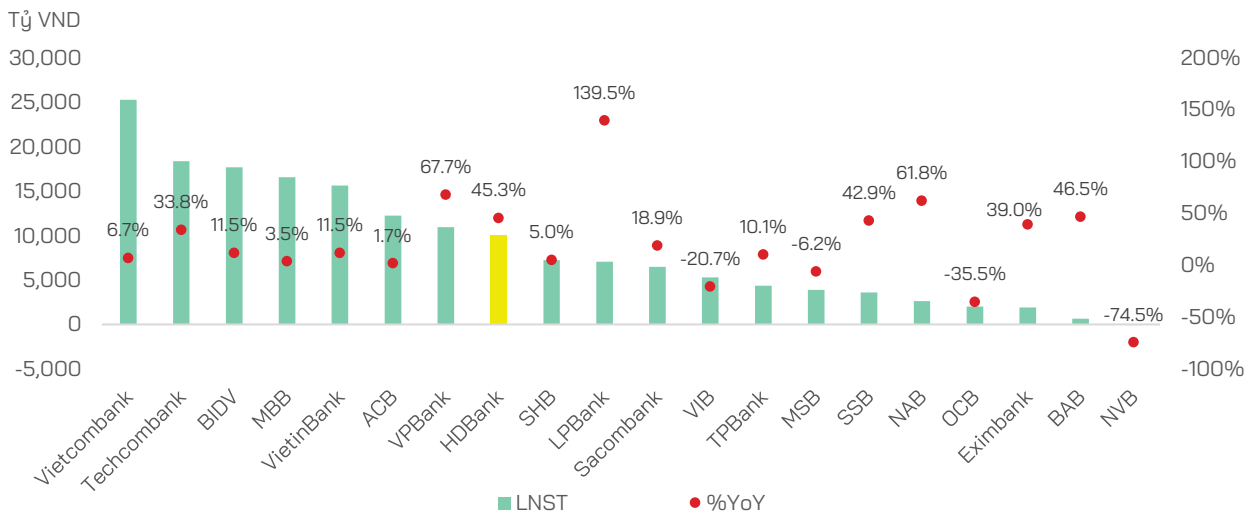
Thu nhập hoạt động và Lợi nhuận



Giao dịch qua kênh số



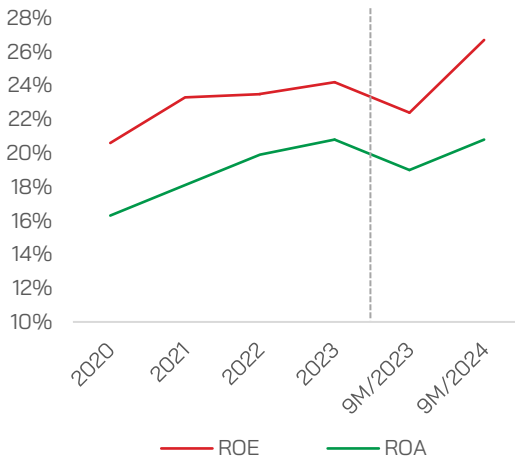
Lợi nhuận 9 tháng 2024 của các ngân hàng



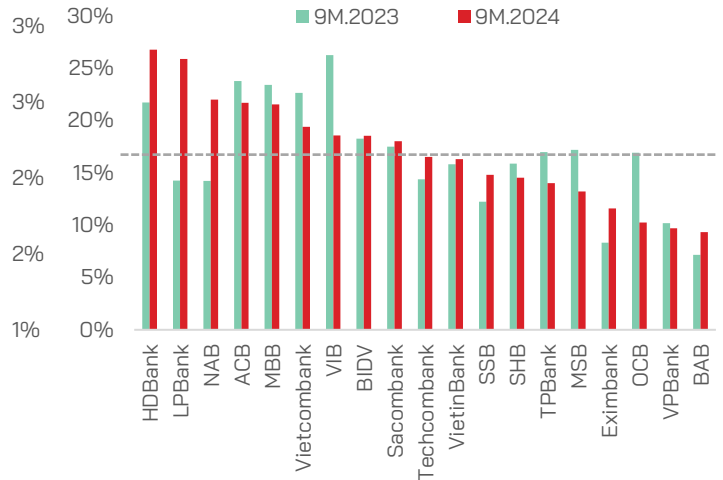
Nguồn: FiinX, HDS tổng hợp

HDB ghi nhận hiệu quả sử dụng vốn vượt trội với ROE dẫn đầu ngành. Chỉ số Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) của HDB trong 9 tháng năm 2024 đạt 26.7%, tăng so với mức 22.4% cùng kỳ năm trước và thuộc nhóm cao nhất trong ngành. Xu hướng tăng trưởng tích cực của các chỉ số ROE và ROA qua các năm phản ánh rõ nét năng lực tối ưu hóa nguồn vốn và khai thác hiệu quả tài sản của ngân hàng.

ROE và ROA của HDB



ROE theo ngân hàng



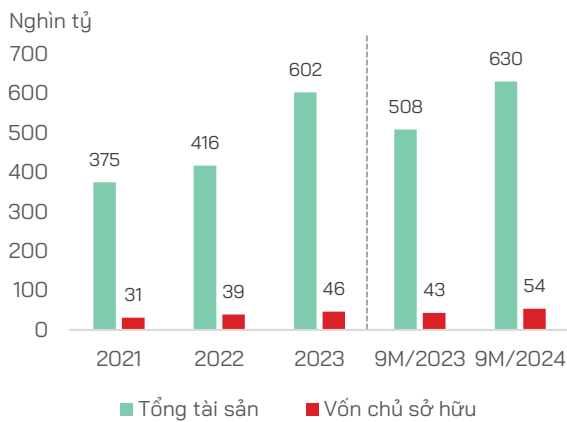
Nguồn: FiinX, HDS tổng hợp

3. Chất lượng tài sản tốt với hệ số an toàn vốn cao

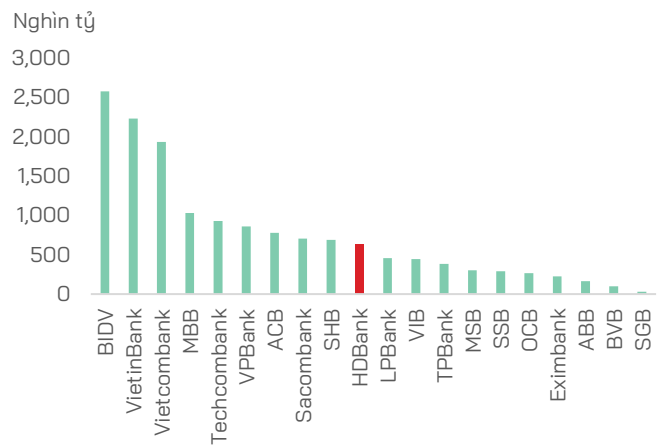
Khẳng định vị thế trong top 10 ngân hàng lớn nhất Việt Nam với nền tảng tài chính vững mạnh.

Tổng tài sản hợp nhất tính đến 30/09/2024 của HDB đạt gần 629.6 nghìn tỷ đồng, tăng 23.9% so với cùng kỳ. Đồng thời, vốn chủ sở hữu cũng tăng mạnh, đạt 53.6 nghìn tỷ đồng, tăng 24.5% YoY, khẳng định nền tảng tài chính mạnh và năng lực mở rộng hoạt động hiệu quả của ngân hàng.

Tài sản và nguồn vốn của HDB



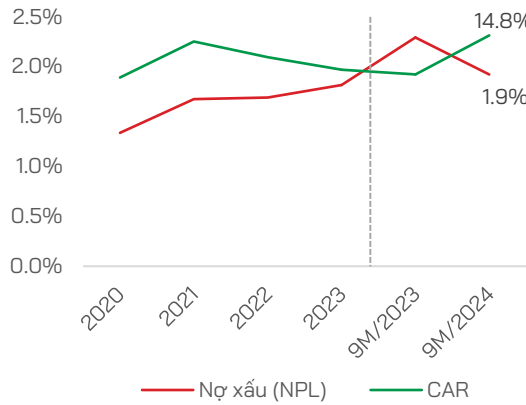
Quy mô tài sản của các ngân hàng



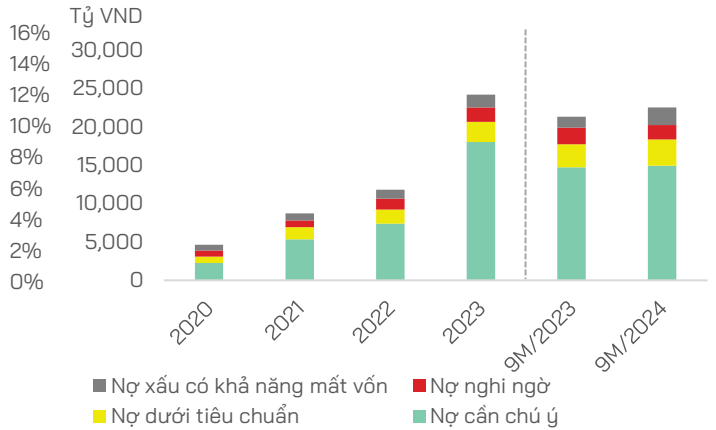
Nguồn: FiinX, HDS tổng hợp

Kiểm soát rủi ro hiệu quả và an toàn vốn cao. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) của HDB cuối quý 3/2024 ở mức 1.9%, giảm so với mức 2.3% của cùng kỳ năm 2023. Trong đó, nợ xấu của HD Saison được kiểm soát tốt, giảm xuống 7.5% từ mức 7.9% của cùng kỳ năm 2023 và kết quả kinh doanh có sự cải thiện tích cực với lợi nhuận tăng 125.9% YoY. Tỷ trọng nợ xấu từ HD Saison chiếm phần nhỏ trong tổng nợ xấu hợp nhất và được kiểm soát chặt chẽ, giúp tỷ lệ nợ xấu hợp nhất của HDB luôn duy trì ở mức an toàn, thấp hơn mức 2.25% trung bình ngành và dưới ngưỡng 3% theo quy định của NHNN. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) của HDB cũng có sự cải thiện rõ rệt, từ 54.2% cùng kỳ lên 65.9%, với mục tiêu tiếp tục nâng cao lên mức 75-80% nhằm tăng cường năng lực tài chính và khả năng ứng phó rủi ro. Ngoài ra, HDB duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II ở mức 14.8%, cao hơn đáng kể so với yêu cầu tối thiểu là 8%, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững. Những kết quả trên cho thấy HDB mở rộng quy mô hoạt động hiệu quả, đồng thời duy trì chất lượng tài sản tốt và kiểm soát rủi ro chặt chẽ.

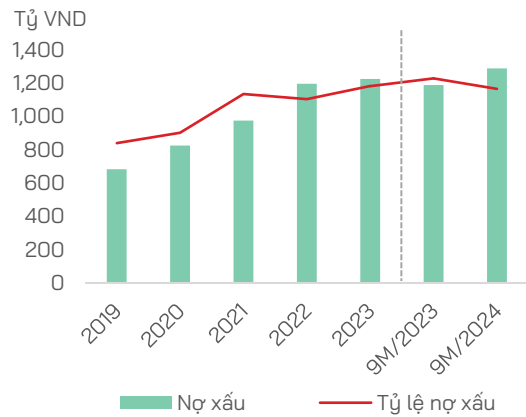
Nợ xấu và CAR của HDB



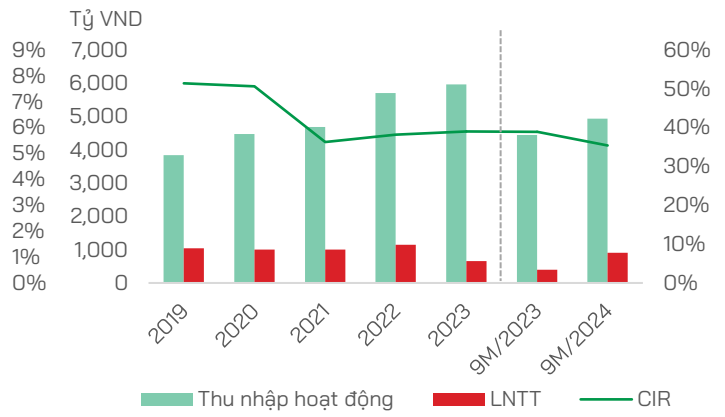
Cơ cấu nhóm nợ của HDB



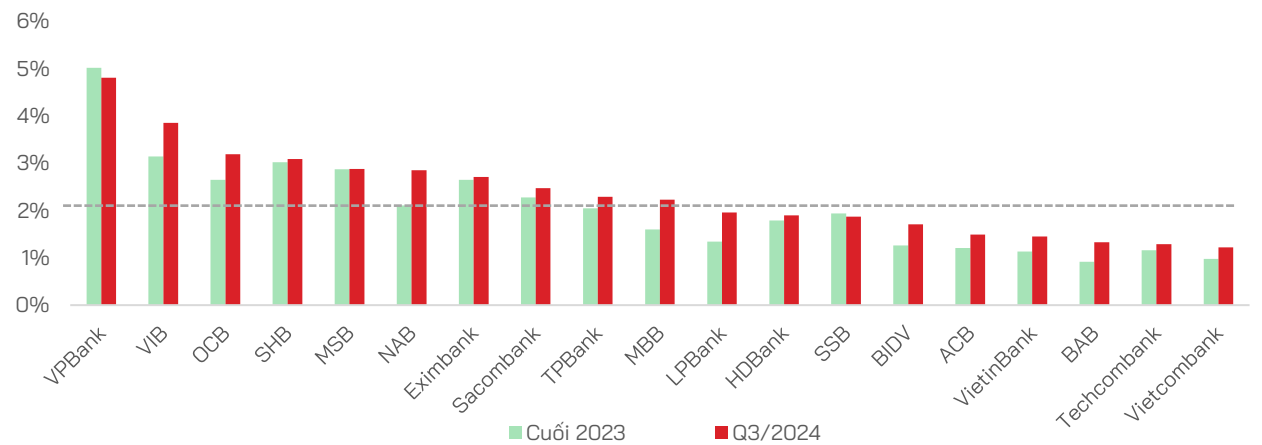
Nợ xấu của HD Saison



Thu nhập và Lợi nhuận của HD Saison



Tỷ lệ nợ xấu cuối Quý 3/2024 theo ngân hàng



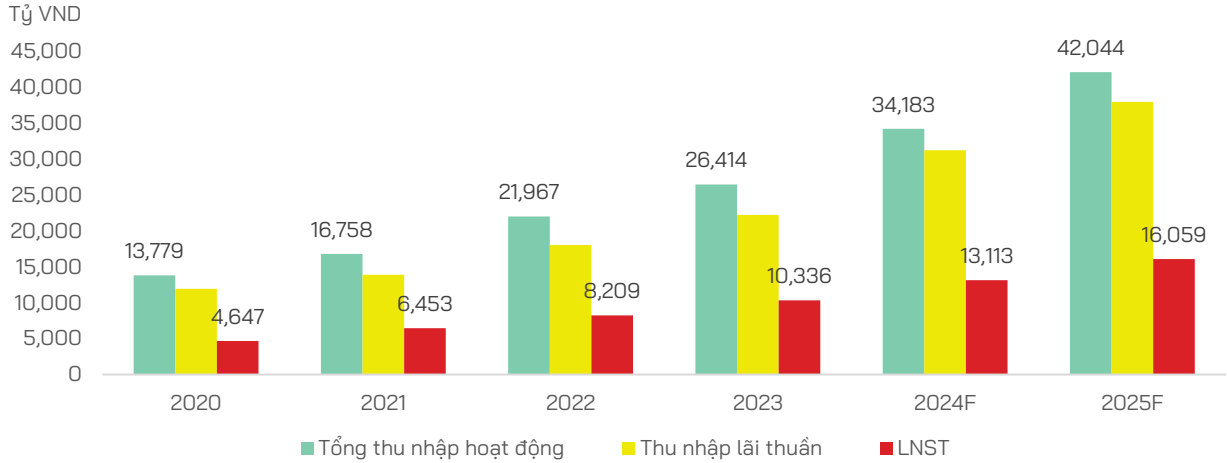
Nguồn: FiinX, HDS tổng hợp

Tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ về tín dụng và lợi nhuận

- **HDB sẽ tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng cao trong Quý 4/2024**, mặc dù chi phí dự phòng sẽ gia tăng nhằm nâng tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) lên mức 75-80%. Điều này nhằm chuẩn bị cho kịch bản Thông tư 02 của NHNN không được gia hạn và hết hiệu lực vào ngày 31/12/2024. Cả năm 2024, chúng tôi ước tính tăng trưởng cho vay của HDB đạt 23.8%, Tổng thu nhập hoạt động đạt 34,183 tỷ đồng (+29.4% YoY), và Lợi nhuận sau thuế đạt 13,113 tỷ đồng (+26.9% YoY).

- HDB được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong năm 2025 nhờ nhu cầu tín dụng hồi phục theo sự phục hồi của nền kinh tế. Với cơ chế tiếp nhận ngân hàng 0 đồng, HDB có khả năng được cấp room tín dụng cao, có thể lên đến 30%. Chúng tôi dự phóng Tổng thu nhập hoạt động năm 2025 sẽ đạt 42,044 tỷ đồng (+23.0% YoY) và Lợi nhuận sau thuế đạt 16,059 tỷ đồng (+22.5% YoY).

Dự phóng Thu nhập hoạt động và Lợi nhuận



Nguồn: FiinX, HDS Research

4. Định giá

Chúng tôi kết hợp phương pháp Thu nhập thặng dư (RI) và P/B, xác định giá mục tiêu của HDB mức 29,500 VND/CP, cao hơn 24.2% so với giá đóng cửa ngày 16/12/2024.

Phương pháp	Giá trị (tỷ VND)	Tỷ trọng	Giá trị
Thu nhập thặng dư (RI)	115,391	50%	57,696
P/B	89,976	50%	44,988
Giá trị tổng hợp		100%	102,684
SLCP lưu hành (triệu)			3,475
Giá cổ phiếu mục tiêu (VND/CP)			29,500
Giá thị trường (16/12/2024)			23,750
Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng			24.2%

Phương pháp	Giá trị thặng dư	2025	2026	2027	2028	2029
Tăng trưởng dài hạn	3.0%					
Chi phí vốn chủ sở hữu	13.7%					
Thu nhập thặng dư (RI)		4,590	5,466	6,194	6,507	6,561
Giá trị hiện tại của RI		4,037	4,229	4,215	3,894	3,453
Vốn chủ sở hữu đầu kỳ	62,306					
Tổng giá trị hiện tại của RI	19,828					
Giá trị hiện tại của Terminal value	33,258					
Giá trị theo RI (tỷ VND)	115,391					

Phương pháp P/B	Giá trị
Book value forward 2025	71,981
P/B mục tiêu	1.25x
Giá trị theo P/B (tỷ VND)	89,976

Chỉ số P/B của HDB



Nguồn: FiinX, HDS Research

Được thị trường định giá cao hơn trung bình ngành - phản ánh hiệu quả và tiềm năng vượt trội

- Chỉ số P/B của HDB hiện tại ở mức 1.61x, đứng thứ 4 (chỉ sau VCB, BID, LPB) nằm trong nhóm được trả cao hơn với trung bình 1.51x của ngành.
- Hệ số P/B được trả cao hơn trung bình ngành phản ánh sự đánh giá tích cực của thị trường về vị thế và hiệu quả nổi bật của HDB. Với các chỉ số ấn tượng như ROE dẫn đầu ngành, tăng trưởng tín dụng và NIM đứng thứ 2 trong ngành, đồng thời tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp. Sự kết hợp giữa tăng trưởng mạnh mẽ và chất lượng tài sản vượt trội là lý do khiến HDB được thị trường trả mức định giá cao hơn trung bình ngành, khẳng định niềm tin vào hiệu quả vượt trội và khả năng phát triển bền vững của HDB.

Chỉ tiêu (Tỷ VND)	VCB	BID	CTG	TCB	VPB	MBB	ACB	HDB	STB	VIB	TPB
Vốn hóa	520,344	264,500	195,199	172,029	151,935	128,678	112,336	82,833	64,097	57,348	42,932
Tổng tài sản	1,932,362	2,575,981	2,229,791	927,053	858,885	1,028,819	777,393	629,569	702,986	445,378	385,352
Vốn chủ sở hữu	190,297	138,440	140,986	144,368	142,240	110,023	78,854	53,584	51,281	39,942	36,311
Lợi nhuận sau thuế	25,283	17,658	15,604	18,340	10,947	16,570	12,244	10,011	6,489	5,283	4,368
Tăng trưởng tín dụng	10.2%	9.8%	9.0%	17.4%	9.2%	13.5%	13.8%	16.6%	8.9%	11.6%	13.8%
%YoY LNST	6.7%	11.5%	11.5%	33.8%	67.7%	3.5%	1.7%	45.3%	18.9%	-20.7%	10.1%
NIM	3.0%	2.4%	2.9%	4.3%	5.8%	4.2%	3.7%	5.4%	3.6%	3.9%	4.0%
Chi phí/thu nhập	32.5%	34.9%	28.2%	29.4%	24.4%	30.9%	33.5%	33.7%	50.9%	34.2%	36.5%
CASA	32.6%	18.1%	22.4%	34.9%	13.6%	35.7%	21.0%	8.8%	17.4%	13.5%	18.1%
LDR (%)	83.4%	85.0%	83.5%	90.6%	104.7%	84.5%	83.8%	75.8%	83.5%	80.6%	70.8%
Nợ xấu (NPL)	1.2%	1.7%	1.5%	1.3%	4.8%	2.2%	1.5%	1.9%	2.5%	3.9%	2.3%
Bao phủ nợ xấu (LLR)	210.5%	116.0%	153.0%	105.7%	50.7%	68.8%	81.1%	65.9%	75.0%	47.2%	58.9%
ROE (%)	19.4%	18.5%	16.3%	16.5%	9.7%	21.6%	21.7%	26.8%	18.0%	18.6%	14.0%
ROA (%)	1.9%	1.0%	1.0%	2.5%	1.6%	2.2%	2.2%	2.1%	1.3%	1.7%	1.3%
P/E	15.03	11.30	9.01	7.59	11.43	5.97	6.91	6.36	7.33	7.95	8.83
P/B	2.74	1.98	1.39	1.20	1.11	1.22	1.42	1.61	1.25	1.44	1.18

Nguồn: FiinX, HDS Research

Rủi ro:

- **Rủi ro tín dụng:** Áp lực gia tăng trong việc duy trì chất lượng tài sản khi tiếp tục chiến lược tăng trưởng tín dụng cao. Các khoản vay tiêu dùng cá nhân, đặc biệt là tín chấp và thẻ tín dụng, dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thu nhập của khách hàng trong bối cảnh kinh tế chưa hoàn toàn hồi phục. Bên cạnh đó, sự phục hồi chậm của thị trường bất động sản có thể làm giảm giá trị tài sản đảm bảo và gia tăng rủi ro nợ xấu.
- **Thách thức từ điều tiết chính sách:** Chỉ đạo của Chính phủ ổn định lãi suất tiền gửi và phần đầu giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ nền kinh tế, điều này có thể trực tiếp thu hẹp biên lãi ròng (NIM) và ảnh hưởng đến lợi nhuận. Ngoài ra, các quy định hạn chế hoạt động bancas làm giảm đáng kể thu nhập phí từ sản phẩm bảo hiểm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh	2020	2021	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần	11,898	13,891	18,012	22,184	31,194	37,910
Thu nhập ngoài lãi	1,882	2,867	3,956	4,230	2,989	4,134
Hoạt động dịch vụ	950	1,927	2,957	2,188	1,583	1,908
Hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	168	179	134	565	826	1,045
Mua bán chứng khoán kinh doanh	105	101	17	42	134	439
Mua bán chứng khoán đầu tư	140	477	313	1,167	63	350
Hoạt động khác	519	183	528	259	337	371
Tổng thu nhập hoạt động	13,779	16,758	21,967	26,414	34,183	42,044
Chi phí hoạt động	6,173	6,383	8,631	9,129	11,545	14,287
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1,788	2,306	3,068	4,268	6,246	7,682
Lợi nhuận trước thuế	5,818	8,070	10,268	13,017	16,392	20,074
Lợi nhuận sau thuế	4,647	6,453	8,209	10,336	13,113	16,059
LNST của cổ đông Công ty mẹ	4,249	6,054	7,750	10,071	12,658	15,502
Bảng cân đối kế toán	2020	2021	2022	2023	2024F	2025F
Tài sản sinh lãi	299,702	345,261	371,747	540,020	618,698	739,556
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2,257	2,446	2,938	2,810	3,035	3,278
Tiền gửi tại NHNN	7,788	11,848	11,273	41,482	36,503	38,328
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	44,811	55,943	49,132	96,515	108,522	113,948
Chứng khoán kinh doanh	12,478	11,198	1,798	18,581	19,354	21,290
Cho vay khách hàng	176,388	200,759	260,755	339,350	420,155	534,906
Chứng khoán đầu tư	58,237	65,513	48,789	44,092	44,601	49,061
Tài sản cố định	1,059	1,366	1,315	1,423	1,649	1,731
Tài sản Có khác	16,109	25,539	40,272	57,952	61,756	61,763
Tổng nợ	294,423	343,821	377,278	555,915	633,269	749,919
Tiền gửi và vay các TCTD khác	75,176	107,243	92,653	112,087	122,213	146,656
Tiền gửi của khách hàng	174,620	183,283	215,797	370,778	418,709	499,900
Phát hành giấy tờ có giá	34,332	42,756	44,162	50,938	69,267	79,267
Các khoản nợ khác	10,080	10,524	24,440	22,112	23,080	24,096
Vốn chủ sở hữu	24,704	30,790	38,995	46,400	62,306	74,386
Tổng nguồn vốn	319,127	374,612	416,273	602,315	695,575	824,305
Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023	2024F	2025F
Tăng trưởng						
Tiền gửi	38.6%	5.0%	17.7%	71.8%	12.9%	19.4%
Cho vay	21.9%	13.8%	29.9%	30.1%	23.8%	27.3%
Tổng tài sản	39.1%	17.4%	11.1%	44.7%	15.5%	18.5%
Tổng thu nhập hoạt động	21.0%	21.6%	31.1%	20.2%	29.4%	23.0%
Lợi nhuận sau thuế	15.6%	38.9%	27.2%	25.9%	26.9%	22.5%
Hiệu quả						
NIM	4.70%	4.40%	5.20%	5.10%	5.47%	5.58%
Thu nhập ngoài lãi/Tổng thu nhập	15.8%	20.6%	22.0%	19.1%	8.7%	9.8%
Chi phí/ Thu nhập (CIR)	44.8%	38.1%	39.3%	34.6%	33.8%	34.0%
ROE	20.6%	23.3%	23.5%	24.2%	24.1%	23.5%
ROA	1.7%	1.9%	2.1%	2.0%	2.0%	2.1%
Chất lượng tài sản						
Tỷ lệ nợ xấu	1.3%	1.7%	1.7%	1.8%	1.9%	1.8%
Bao phủ nợ xấu (LLR)	82.1%	73.0%	70.4%	65.8%	80.1%	80.1%
Thanh khoản						
Cho vay/ Tiền gửi (LDR)	67.1%	66.7%	76.6%	66.2%	69.8%	74.5%
Cho vay/ Tổng tài sản	0.55	0.54	0.63	0.56	0.60	0.65
Định giá						
P/E	11.22	5.53	7.13	6.85	7.70	6.29
P/B	2.07	1.15	1.50	1.55	1.38	1.15

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin về thị trường được cung cấp trên đây do Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích thu thập từ các nguồn được coi là đáng tin cậy, tuy nhiên HDS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Việc cung cấp các thông tin này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, HDS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây vào hoạt động kinh doanh. Các thông tin trên đây hoàn toàn có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và HDS không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.


Bản tin này là sản phẩm và tài sản của HDS. Mọi hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của HDS đều là trái luật.

LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)

 www.hdbs.vn


TRỤ SỞ CHÍNH

 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

 +84 287 3076966

 +84 286 2838666


CHI NHÁNH HÀ NỘI


 Tầng 5, 32 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

 +84 243 359 8866

 +84 243 351 8866

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

 hdbs.vn/trung-tam-phan-tich

 research@hdbs.vn

Trung Tâm Phân Tích <GO>



Mở tài khoản <GO>

